

Số: 486/GPMT-UBND

Long Khánh, ngày 03 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 01/GPMT-HONGLOI ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Công ty TNHH Giày Hồng Lợi VN về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy gia công đế giày công suất 3.500.000 đôi/năm tương đương 1.500 tấn/năm, gia công mặt giày 17.000.000 đôi/năm tương đương 17 tấn/năm” tại đường số 6, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1028/TTr-TNMT ngày 30 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Giày Hồng Lợi VN, địa chỉ tại đường số 6, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy gia công đế giày công suất 3.500.000 đôi/năm tương đương 1.500 tấn/năm, gia công mặt giày 17.000.000 đôi/năm tương đương 17 tấn/năm”, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Công ty TNHH Giày Hồng Lợi VN.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 6, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3603812141 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 5 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 3603812141.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Gia công, sản xuất đế giày và mặt giày.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Tổng diện tích nhà xưởng của dự án 6.000 m² (Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/HĐ/KV-HL/2021 ngày 01/7/2021 với Công ty TNHH MTV Cơ khí Lắp ráp Khuôn Việt; sửa đổi, bổ sung theo Hợp đồng nêu trên tại Phụ lục hợp đồng ngày 04/7/2023).

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Gia công đế giày công suất 3.500.000 đôi/năm tương đương 1.500 tấn/năm, gia công mặt giày 17.000.000 đôi/năm tương đương 17 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Giày Hồng Lợi VN được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Giày Hồng Lợi VN có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 03 tháng 11 năm 2023 đến ngày 03 tháng 11 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Giày Hồng Lợi VN;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai;
- Công ty Cổ phần KCN Long Khánh;
- Bộ phận TN&TKQ thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao
(*đề nghị đăng trên Trang TTĐT thành phố*);
- UBND xã Bình Lộc;
- Chánh, Phó VP;
- Lưu: VT, TH (CN);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Đại Giang

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 486/GPMT-UBND ngày 03. tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố Long Khánh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Khánh; nước thải sản xuất phát sinh được thu gom, vận chuyển, xử lý như chất thải nguy hại; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống thu gom nước thải:

Các nguồn nước thải phát sinh chủ yếu tại Công ty cụ thể như sau:

** Nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại khu vực nhà vệ sinh được đưa về xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn, tổng dung tích là 52,65 m³ (gồm 05 bể tự hoại, xử lý nước thải chung cho toàn bộ khu vực nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Cơ khí lắp ráp Khuôn Việt) và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Long Khánh tại 01 hố ga trên đường N5, tọa độ X=1213082; Y=442030.

- Vị trí đầu nối của Công ty TNHH Giày Hồng Lợi VN và Công ty TNHH MTV Cơ khí lắp ráp Khuôn Việt có tọa độ: X=1212870; Y= 442101.

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh: 8,0 m³/ngày.

** Nước thải sản xuất:*

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh khuôn in, lưu lượng phát sinh khoảng 0,2 m³/ngày (được thu gom về bồn chứa, dung tích 1.000 lít) và từ công đoạn phun sơn, lưu lượng phát sinh khoảng 0,3 m³/ngày (nước thải được tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ sẽ thay nước 01 tháng/lần).

- Nước thải sản xuất phát sinh tại dự án được Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý như chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

* Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Khánh để xử lý.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

* Nước thải sản xuất → Bồn chứa (đối với nước thải từ quá trình vệ sinh khuôn in); Tuần hoàn tái sử dụng (đối với nước thải từ công đoạn phun sơn) → Thu gom, vận chuyển và xử lý như chất thải nguy hại.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định. Thường xuyên kiểm tra độ bền và sức chứa của bồn chứa nước thải sản xuất; thường xuyên kiểm tra thiết bị sản xuất tại công đoạn phun sơn, đảm bảo không xảy ra sự cố phát sinh nước thải sản xuất ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản d Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Long Khánh, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Khánh để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 486/GPMT-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố Long Khánh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ công đoạn quét keo ép đế.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ công đoạn chiếu xạ.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ công đoạn dán đế.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả thải: Tại 01 ống thải của hệ thống xử lý khí thải, tọa độ: (X= 1212876; Y= 442051).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 25.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Liên tục 08/24 giờ khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với K_p=1; K_v=0,6) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ - QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với K _p =1; K _v =0,6 QCVN 20:2009/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Bụi	mg/Nm ³	120	
3	n-propanol	mg/Nm ³	980	
4	Cyclohexane	mg/Nm ³	1.300	
5	Etylaxetat	mg/Nm ³	1.400	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Công ty đã đầu tư 01 hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế là 25.000 m³/giờ để xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn, từ công đoạn sấy, từ công đoạn quét keo ép đế, từ công đoạn chiếu xạ và từ công đoạn dán đế.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn (xử lý qua màng nước) cùng khí thải từ công đoạn sấy, công đoạn quét keo ép đế, công đoạn chiếu xạ và công đoạn dán đế → Ống hút → Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống khói → Thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 25.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Công ty tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về thời gian vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý chất thải nêu trên.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại 01 ống thải của hệ thống xử lý khí thải, tọa độ: (X= 1212876; Y= 442051).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với K _p =1; K _v =0,6 QCVN 20:2009/BTNMT)
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-
2	Bụi	mg/Nm ³	120
3	n-propanol	mg/Nm ³	980
4	Cyclohexane	mg/Nm ³	1.300
5	Etylaxetat	mg/Nm ³	1.400

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Công ty đảm bảo việc thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường đối với khí thải phát sinh đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải chưa qua xử lý ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 486/GPMT-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023
của UBND thành phố Long Khánh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ khu vực mài.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01 có tọa độ như sau: X= 1212859; Y= 442066.

3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

* Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

* Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Bố trí các máy móc, thiết bị hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Định kỳ bảo dưỡng bảo trì các máy móc, thiết bị; thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất. Trang bị bảo hộ lao động cho người lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 486/GPMT-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố Long Khánh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải phát sinh	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Phân loại (*)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10	NH
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không có clo	17 02 02	50	NH
3	Bao bì mềm thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	18 01 01	50	KS
4	Bao bì kim loại cứng thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang)	18 01 02	30	KS
5	Bao bì nhựa cứng thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	18 01 03	30	KS
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	100	KS
7	Nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 01	480	KS
8	Nước mực in thải, mực in hết hạn sử dụng	16 01 09	156	KS
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	5	NH
10	Pin Ni-Cd thải	19 06 02	5	NH
Tổng khối lượng			916	

(*) *Phân loại: KS (Chất thải công nghiệp phải kiểm soát); NH (Chất thải nguy hại).*

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải phát sinh	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Phân loại (*)
1	Vải vụn	-	15.000	TT
2	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	2.100	TT-R
3	Nhựa, nilon	18 01 06	3.100	TT-R
Tổng khối lượng			20.200	

(*) *Phân loại: TT (Chất thải công nghiệp thông thường); TT-R (Chất thải công nghiệp thông thường – Rắn).*

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	15.600
Tổng khối lượng		15.600

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu giữ: Thùng nhựa, can nhựa, phuy sắt.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: được bố trí bên trong nhà xưởng, đã được tách riêng, có vách ngăn, nền bê tông chống thấm, bố trí máng thu để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp đổ tràn, có biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu giữ: 9,0 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: được bố trí bên trong nhà xưởng, có vách ngăn, mái che, nền bê tông chống thấm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng nhựa 20 lít, 240 lít có nắp đậy được bố trí xung quanh khu vực nhà xưởng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn TCVN 6707:2009 về dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 486/GPMT-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố Long Khánh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.